

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



**QUY CHẾ
CHI TIÊU NỘI BỘ**

ĐẮK LẮK, NĂM 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
của Trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng quốc hội; Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tài chính của Trường Đại học Tây Nguyên ban hành theo Nghị quyết số 145/NQ-HĐTr ngày 29/9/2022;

Căn cứ vào tình hình thực tế của Trường, ý kiến đóng góp của toàn thể viên chức, người lao động và sự đồng thuận của Ban chấp hành Công đoàn Trường;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Tây Nguyên**”.

Điều 2: Quy chế này được áp dụng kể từ ngày 16/02/2023. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bị bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện, Quy chế sẽ được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với các văn bản quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của Trường.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng chức năng và các đơn vị, cá nhân trong Trường Đại học Tây Nguyên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Kho bạc NN tỉnh Đắk Lắk;
- Đảng ủy;
- Hội đồng trường;
- Ban giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu KHTC, VT,



TS. Nguyễn Thanh Trúc

UNIT 12

English Language and Literature
Department of English Language and Literature

THE UNIVERSITY OF SAIGON

Unit 12: The University of Saigon
The University of Saigon was founded in 1957. It is one of the largest and oldest universities in Vietnam. The university has a long history and a strong reputation for its academic excellence. It offers a wide range of undergraduate and postgraduate programs in various fields of study.

The University of Saigon is a public university. It is a member of the Association of South East Asian Universities (ASEANU). The university has a large student body and a faculty of highly qualified academics. It is known for its research and innovation in various fields of study.

The University of Saigon is a member of the Association of South East Asian Universities (ASEANU). The university has a large student body and a faculty of highly qualified academics. It is known for its research and innovation in various fields of study.

UNIT 13

Unit 13: The University of Saigon
The University of Saigon was founded in 1957. It is one of the largest and oldest universities in Vietnam. The university has a long history and a strong reputation for its academic excellence. It offers a wide range of undergraduate and postgraduate programs in various fields of study.

The University of Saigon is a public university. It is a member of the Association of South East Asian Universities (ASEANU). The university has a large student body and a faculty of highly qualified academics. It is known for its research and innovation in various fields of study.



Tr. Nguyễn Văn Khoa

Unit 12
The University of Saigon
The University of Saigon was founded in 1957. It is one of the largest and oldest universities in Vietnam. The university has a long history and a strong reputation for its academic excellence. It offers a wide range of undergraduate and postgraduate programs in various fields of study.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	1
Điều 2. Nguyên tắc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	1
Điều 3. Các nguồn thu	1
Điều 4. Nguyên tắc quản lý nguồn thu	1
Điều 5. Nguyên tắc quản lý chi	2
Điều 6. Quản lý các loại hợp đồng	2
Điều 7. Nghĩa vụ thuế	2
Điều 8. Cơ sở pháp lý để xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	3
CHƯƠNG 2	8
QUY ĐỊNH CỤ THỂ	8
Mục 1	8
CHI TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP ĐÓNG GÓP THEO LƯƠNG; CHI TIỀN CÔNG THEO HỢP ĐỒNG	8
Điều 9. Chi tiền lương và các khoản phụ cấp, đóng góp theo tiền lương	8
Điều 10. Tiền công hợp đồng lao động theo nghị định 68/2000/NĐ-CP	10
Mục 2	11
CHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	11
Điều 11. Quy định về khoản chi đề tài Nghiên cứu khoa học	11
Điều 12. Chi hoạt động khoa học	12
Điều 13. Chi tạp chí khoa học	14
Mục 3	15
CHI THUÊ CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG ĐẶC BIỆT	15
Điều 14. Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt	15
Mục 4	15
CHI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	15
Điều 15. Khen thưởng đối với sinh viên, học viên sau đại học	15
Điều 16. Chi hoạt động Đảng, Đoàn thể, tự vệ	16
Điều 17. Chế độ đi học, thi, bảo vệ chức danh, nâng ngạch, bồi dưỡng chuyên môn ..	17
Điều 18. Chi làm thêm giờ	20
Điều 19. Chi bồi dưỡng trực an ninh tự vệ	21
Điều 20. Bồi dưỡng hội đồng sát hạch chuyên môn và tương đương	21
Điều 21. Chi phí vệ sinh môi trường, cảnh quan và phục vụ giảng đường	21
Điều 22. Chi nghiệp vụ đào tạo sau đại học	22

Điều 23. Chi nghiệp vụ đào tạo đại học.....	23
Điều 24. Chi công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng.....	26
Điều 25. Thanh toán giờ mời giảng, coi thi trường THPT thực hành cao nguyên.....	26
Điều 26. Thanh toán giờ giảng và các hình thức lao động quy đổi thành giờ giảng của giảng viên dạy ĐH và SDH	26
Điều 27. Biên soạn, xây dựng chương trình đào tạo	27
Điều 28. Thực tập, thực tế và thực tập cuối khóa (đại học và sau đại học).....	28
Điều 29. Chi học bổng, trợ cấp xã hội và hỗ trợ chi phí học tập, chi phí sinh hoạt cho sinh viên	29
Điều 30. Chi mua sắm vật tư chuyên môn, nghiệp vụ.....	29
Điều 31. Chi hỗ trợ biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình, tài liệu học tập	29
Điều 32. Chi thanh toán các dịch vụ công	30
Điều 33. Chi phúc lợi tập thể	30
Điều 34. Chi đoàn ra, đoàn vào	30
Điều 35. Chi dự thi sinh viên giỏi.....	31
Điều 36. Chi hỗ trợ đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân.....	31
Điều 37. Chi cho công tác tư vấn tuyển sinh đại học hệ chính quy.....	31
Điều 38. Chi cho công tác tuyển dụng.....	32
Điều 39. Chi đón tiếp sinh viên nhập học.....	32
Điều 40. Chi hỗ trợ cho Phóng viên, báo, đài.....	32
Điều 41. Chi hỗ trợ cho công tác tập sự đối với viên chức	32
Điều 42. Chi kỷ niệm các ngày lễ, khai giảng và tốt nghiệp	32
Điều 43. Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện.....	32
Điều 44. Chi cho công tác kiểm tra tài chính (của Ban thanh tra nhân dân), quyết toán, tự kiểm tra tài chính, kiểm kê tài sản	33
Điều 45. Chi hỗ trợ công tác cố vấn học tập.....	33
Điều 46. Chi hỗ trợ hoạt động (chuyên đổi số, cải cách hành chính...) của Khoa, Phòng	33
Điều 47. Chi công tác thông tin truyền thông, quản lý phần mềm	33
Điều 48. Chi cho Ban soạn thảo, thẩm định các quy định, quy chế	34
Mục 5	34
CHI CÔNG TÁC PHÍ, HỘI NGHỊ VÀ TIẾP KHÁCH	34
Điều 49. Chi công tác phí	34
Điều 50. Chi hội nghị, hội thảo, đại hội, họp các hội đồng	36
Điều 51. Chi phí tiếp khách	38
Mục 6	38
CHI VĂN PHÒNG PHẨM, ĐIỆN THOẠI	38

Điều 52. Chi phí văn phòng phẩm	38
Điều 53. Chi phí sử dụng điện thoại và thông tin liên lạc	38
Mục 7	40
CHI PHÍ SỬ DỤNG ĐIỆN, NƯỚC	40
Điều 54. Chi phí điện, nước sử dụng	40
Mục 8	40
SỬ DỤNG Ô TÔ	40
Điều 55. Quy định sử dụng phương tiện đi lại	40
Điều 56. Chi phí sử dụng nhiên liệu	41
Mục 9	41
QUY ĐỊNH MUA SẮM, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN/THANH LÝ TÀI SẢN	41
Điều 57. Tiền công thuê mướn	41
Điều 58. Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	41
Điều 59. Mua sắm tài sản cố định, sửa chữa lớn và xây dựng cơ sở vật chất	42
Điều 60. Thanh lý tài sản	42
Mục 10	42
TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ	42
Điều 61. Nguồn và mức trích lập các quỹ	42
Điều 62. Sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	43
Điều 63. Sử dụng quỹ bổ sung thu nhập	43
Điều 64. Sử dụng quỹ phúc lợi	45
Điều 65. Sử dụng quỹ khen thưởng	48
Điều 66. Sử dụng Quỹ hỗ trợ học sinh sinh viên	48
Mục 11	48
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	48
Điều 67. Đền bù kinh phí đào tạo	48
Điều 68. Quản lý kinh phí đối với các đơn vị trực thuộc Trường	49
Điều 69. Quản lý kinh phí Đào tạo hệ vừa làm vừa học	53
Điều 70. Thu, chi cải thiện điểm D	53
Điều 71. Thu, chi học bổ sung kiến thức (thạc sỹ, tiến sỹ)	54
Điều 72. Thu, chi qua bộ phận một cửa	54
Điều 73. Thu, chi học lại theo nhu cầu bậc đại học hệ chính quy	54
Điều 74. Thu, chi mất sách và trễ hạn của bạn đọc tại thư viện	54
Điều 75. Thu, chi hoạt động Nhà khách	55
Điều 76. Thu lệ phí tuyển sinh	55
Điều 77. Thu, chi đối với các hoạt động dịch vụ khác	55

CHƯƠNG 3	56
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	56
Điều 78. Tổ chức thực hiện.....	56
Điều 79. Hiệu lực thi hành.....	56
PHỤ LỤC 1.....	57
BẢNG HỆ SỐ TÍNH THU NHẬP TĂNG THÊM	57
BẢNG HỆ SỐ TÍNH PHỤ CẤP CHÍNH QUYỀN, ĐOÀN THỂ	57
PHỤ LỤC 2.....	60
PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO.....	60
PHỤ LỤC 3.....	61
MỨC THANH TOÁN THỰC TẾ VÀ MỨC THANH TOÁN TỐI ĐA TIỀN ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH.....	61
PHỤ LỤC 4.....	63
ĐỊNH MỨC KINH PHÍ VĂN PHÒNG PHẨM.....	63
PHỤ LỤC 5.....	64
ĐỊNH MỨC CÁC TRUNG TÂM	64

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

(Ban hành theo Quyết định số 225 /QĐ-ĐHTN

Ngày 16/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho thủ trưởng đơn vị.
2. Tạo quyền chủ động cho viên chức, người lao động (VC, NLĐ) trong đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. Quy chế chi tiêu nội bộ là căn cứ để Kho bạc nhà nước quản lý, kiểm soát thanh toán các khoản chi tiêu của nhà trường qua Kho bạc nhà nước và để các cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo dõi theo quy định.
4. Sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả.
5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
6. Tạo sự công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo nguyên tắc phù hợp với khả năng cân đối nguồn tài chính của nhà trường, trong phạm vi nguồn kinh phí được giao.

Điều 3. Các nguồn thu

1. Kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp;
2. Học phí, lệ phí;
3. Thu hoạt động dịch vụ;
4. Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý nguồn thu

1. Mọi nguồn thu của Nhà trường giao cho phòng Kế hoạch Tài chính (KHTC) tổ chức thu và thống nhất tập trung quản lý theo quy định quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế quản lý nguồn thu của Nhà trường.

2. Việc tổ chức thu được thực hiện theo ba hình thức:

- Thu trực tiếp tại Phòng KHTC;
- Ủy quyền thu một số nguồn thu đặc thù cho một số đơn vị gắn với công việc trực tiếp quản lý;
- Thu qua ngân hàng;

Các đơn vị không được ủy quyền thu thì không được phép tự thu. Các đơn vị được ủy quyền thu phải tổ chức thu theo sự hướng dẫn chuyên môn của Phòng KHTC